

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 05 - 02 - 2021
V/v ly hôn giữa anh T và chị N.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Phần;

Ông Vũ Xuân Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2020/TLST – HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp “ Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm Q, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm Q, xã XT, huyện XT, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa, vắng mặt anh T và chị N).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 11 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phan Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XT, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam

Định vào ngày 28/11/2002. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do T tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, ngoài ra còn do chị N có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra anh đã cố gắng gìn giữ hạnh phúc gia đình nhưng chị N vẫn không thiết tha cuộc sống chung với anh. Hiện nay anh và chị N sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị N, vợ chồng không còn cơ hội tiếp tục chung sống hạnh phúc nên đề nghị được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Văn T, sinh ngày 27/11/2003 và Phan Anh T, sinh ngày 07/6/2005, hiện cả hai con chung đang sinh sống cùng anh. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng tiếp tục được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm phu hồ, mức thu nhập bình quân là 200.000đ/ngày nên có đủ điều kiện để nuôi hai con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự giải quyết nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/12/2020, bị đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Việc chị và anh Phan Văn T kết hôn, diễn biến cuộc sống chung như anh T trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, anh T thường xuyên xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị. Hiện vợ chồng đang sống ly thân là đúng. Nay anh T xin ly hôn, chị nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh T trình bày là đúng. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày của cháu Phan Anh T và Phan Văn T đều trình bày: Từ khi bố mẹ không chung sống cùng nhau hai cháu ở với bố là Phan Văn T. Khi bố mẹ ly hôn, các cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố vì đã quen ở với bố và bố có điều kiện chăm sóc tốt hơn mẹ.

Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương như sau: Về quan hệ hôn nhân, con chung, diễn biến cuộc sống vợ chồng như anh T và chị N trình bày là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa vụ tham gia tố tụng. Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 56, 81,

82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Văn T đối với chị Nguyễn Thị N; giao hai con chung chưa thành niên cho anh T tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị N là hợp pháp, được xác lập từ ngày 28/11/2002. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân do T tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, hiện vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay anh T xin ly hôn, chị N nhất trí ly hôn. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cả hai bên đương sự đều không muốn tiếp tục chung sống cùng nhau, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phan Văn T đối với chị Nguyễn Thị N

[3] Về con chung: Anh T và chị N có 02 con chung đều chưa thành niên là Phan Văn T, sinh ngày 27/11/2003 và Phan Anh T, sinh ngày 07/6/2005, hiện đang sinh sống cùng anh T. Khi ly hôn, cả anh T và chị N đều có nguyện vọng được nuôi hai con, không yêu cầu người kia cấp dưỡng nuôi con. Hai con chung có nguyện vọng tiếp tục được ở với anh T. Xét điều kiện thực tế hiện nay là anh T có công việc, thu nhập ổn định và có điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung tốt hơn chị N vì các con chung đều là con trai, đang tuổi vị thành niên nên cần sự quan tâm chăm sóc của bố phù hợp với tâm sinh lý, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao 02 con chung cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con, được quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Phan Văn T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Phan Văn T, sinh ngày 27/11/2003 và Phan Anh T, sinh ngày 07/6/2005 cho anh Phan Văn T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Phan Văn T phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001939 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường. Anh T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Phan Văn T, bị đơn chị Nguyễn Thị N có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã XT;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thung